Scale-Tỷ-lệ 1:250,000

5 0 5 10 15 20 Statute Miles — Dặm Anh

5 0 5 10 15 20 25 30 Kilometers — Cây Số

5 0 5 10 15 Nautical Miles — Hải Lý

CONTOUR INTERVAL 100 METERS WITH SUPPLEMENTARY CONTOURS AT 50 METER INTERVALS

TRANSVERSE MERCATOR PROJECTION

BLUE NUMBERED LINES INDICATE THE 10,000 METER UNIVERSAL TRANSVERSE MERCATOR GRID, ZONE 48, EVEREST SPHEROID

1960 MAGNETIC DECLINATION FROM TRUE NORTH FOR CENTER OF THE SHEET IS 1° (20 MILS) EASTERLY

REFER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 100 MÉT VỚI CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TỪNG 50 MÉT

HỆ-THỐNG CHIẾU U.T.M.

NHỮNG ĐƯỜNG CÓ GHI SỐ XANH THUỘC Ô VUÔNG UTM TỪNG 10.000 MÉT KHU HÌNH THOI 48, KHỐI BẦU-DỤC EVEREST

ĐỘ THIÊN-TỪ TRONG NĂM 1960, KỂ TỪ HƯỚNG BẮC ĐỊA-DƯ, ĐỐI VỚI TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ NÀY LÀ 1° (20 MILS) VỀ HƯỚNG ĐÔNG

NẾU THẤY CÓ SỰ SAI LẦM HOẶC THIẾU SÓT TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY, XIN ĐÁNH DẤU VÀ GỬI THẲNG TỚI NHA ĐỊA-DƯ QUỐC-GIA, ĐÀLẠT, VIỆT NAM. NHỮNG BẢN-ĐỒ GỬI NHƯ VẬY SẼ ĐƯỢC GỬI TRẢ LẠI HOẶC THAY BẰNG BẢN-ĐỒ MỚI, TÙY THEO Ý MUỐN CỦA NGƯỜI GỬI

GLOSSARY—CÔ-TỪ

An, Ấp	village	Kon	village	Rạch	stream
B., Ban, Bon, Bu, Buôn	village	Làng	village	S., Sông, Suối	stream
Bàu	pond, swamp	Núi	mountain	Srok	village
B'Nŏm, Bonom	mountain	Phần	major administrative division	Tỉnh	first class administrative division
Da, Đak	stream	Phum	village	Tonlé	river
Dang	mountain	Prek	stream	X., Xã, Xóm	village

LOCATION DIAGRAM FOR NC 48-4
BẢNG CHỈ VỊ-TRÍ CỦA TỜ NC 48-4

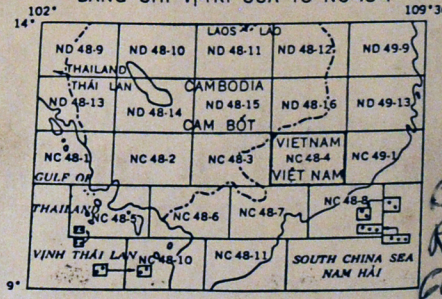

THE DELINEATION OF INTERNATIONAL BOUNDARIES MUST NOT BE CONSIDERED AUTHORITATIVE

ĐƯỜNG BIÊN-GIỚI GHI TRÊN BẢN-ĐỒ CHƯA ĐƯỢC MINH-ĐỊNH

FOR CAMBODIA LEGEND SEE ADJOINING SHEET
XEM CHÚ-TỪ PHÍA CAM BỐT Ở TỜ KẾ-CẬN

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m (8 feet) in width
Trên bản-đồ này một LỐI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét

Figures in red denote approximate distances in kilometers between stars
Những số in màu đỏ chỉ các khoảng cách phỏng chừng bằng cây số giữa các sao

POPULATED PLACES-*NƠI ĐÔNG DÂN-CƯ*
- First importance — *Quan-trọng bậc nhất* — SÀI GÒN
- Second importance — *Quan-trọng bậc nhì* — ĐÀ NẴNG
- Third importance — *Quan-trọng bậc ba* — ĐÀ LẠT
- Fourth importance — *Quan-trọng bậc tư* — Vũng Tàu
- Fifth importance — *Quan-trọng bậc năm* — Hà Tiên

RAILROADS-*ĐƯỜNG XE LỬA* (Single track / Multiple track — *Một đường / Hai đường*)
- Normal gauge, 1 m (3'3⅜"); Station — *Loại đường thường, rộng 1 mét; Ga, trạm*
- Narrow gauge, single track — *Loại đường hẹp, một đường*

Church; School-*Nhà thờ; Trường học*

Temple; Pagoda-*Đền miếu; Chùa*

ROADS-*ĐƯỜNG-SÁ*
- All weather-*Đường trang nhựa*
  - Hard surface, two or more lanes wide — *Có hai hay trên hai lối xe đi* — 3 LANES / 3 LỐI XE ĐI
  - Loose or light surface, two or more lanes wide — *Đường cán đá hay tráng mỏng, có hai hay trên hai lối xe đi* — 3 LANES / 3 LỐI XE ĐI
  - Hard surface, one lane wide — *Có một lối xe đi*
  - Loose or light surface, one lane wide — *Đường cán đá hay tráng mỏng, có một lối xe đi*
- Fair or dry weather, one lane wide — *Đường đất*
- Cart track-*Đường dùng khai-khẩn*
- Footpath, trail-*Đường mòn, đường bộ-hành*

Route marker: National; Provincial — *Bảng chỉ số hay loại đường: Quốc-lộ; Tỉnh-lộ* — 161 / 51

Landplane airport; Landing area — *Không-cảng; Sân bay*

Seaplane airport; Seaplane anchorage — *Thủy-phi-cảng; Nơi neo thủy-phi-cơ*

Spot elevation in meters-*Cao-độ tính ra mét* — 792

International boundary-*Ranh giới Quốc-gia*

Primary administrative boundary-*Ranh giới Tỉnh*

Forest: Dense or jungle; Clear — *Rừng: Rậm hay rừng già; Thưa*

Brushwood; Plantation — *Bụi rậm; Đồn-điền*

Marsh or swamp; Land subject to inundation — *Đồng lầy; Đất có thể lụt*

Mangrove; Nipa — *Cây bần; Dừa nước*

Depth curves in meters-*Vòng độ sâu tính ra mét*

Salt evaporator-*Ruộng muối*

Wreck: Sunken; Exposed-*Xác tàu: Chìm; Nổi*

Rocks: Sunken; Awash-*Mỏm đá: Ngầm; Sát mặt nước*

Reef; Limit of danger-*Giới đá ngầm; Giới-hạn nguy hiểm*

Foreshore flat-*Đáy biển nông*

BASES
BLUE - BRIGADE
RED - SP. FORCES
GREEN - OTHER U.S. UNITS
YELLOW - PROVINCE CAPITOLS